uigeli.xyz

SỞ GD&ĐT THÀNH PHỐ ĐÀ NẴNG
TRƯỜNG THPT …….

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

# KẾ HOẠCH GIÁO DỤC CỦA GIÁO VIÊN
## MÔN HOẠT ĐỘNG TRẢI NGHIỆM, HƯỚNG NGHIỆP 12
*(Năm học 2026 - 2027)*

## I. Kế hoạch dạy học

### 1. Phân phối chương trình lớp 12 (tích hợp năng lực số và giáo dục AI theo QĐ 3439/QĐ-BGDĐT)

| STT | BÀI HỌC | SỐ TIẾT | THỜI ĐIỂM (TUẦN) | THIẾT BỊ DẠY HỌC | ĐỊA ĐIỂM DẠY HỌC | NĂNG LỰC SỐ PHÁT TRIỂN | YCCĐ THEO KHUNG 3439 (GIÁO DỤC AI) |
|---|---|---|---|---|---|---|---|
| 1 | Chủ đề 1: Phát triển các mối quan hệ tốt đẹp với thầy cô và các bạn | 09 | Tuần 1-3<br>Tiết 1-9<br>7/9 → 26/9 | Tivi, máy tính cá nhân, bút màu các loại, giấy A3 hoặc A4<br>Tài liệu liên quan đến nội dung bài học; SGK, SGV<br>Video, bài hát hoặc trò chơi đơn giản phù hợp với nội dung chủ đề để tổ chức hoạt động khởi động<br>Video về thực trạng văn hóa ứng xử nơi công cộng bộ dụng cụ lao động sân trường theo thông tư số 395/ 2021 TT/BGD ĐT | Lớp học | 2.5.NC1c: HS soạn và gửi thử một thư điện tử xin xác nhận hồ sơ cho thầy cô, đối chiếu lời lẽ với cách nhắn trong nhóm bạn để chỉ ra khác biệt về vai vế và thế hệ. | 12.A3: Trách nhiệm công dân trong xã hội có AI:<br>- HS đọc một đoạn AI viết về mâu thuẫn bạn bè, đối chiếu với trải nghiệm thật của lớp và chỉ ra điểm nào dùng được, điểm nào có thể gây tổn thương nếu chia sẻ. |
| 2 | Chủ đề 2: Tôi trưởng thành | 11 | Tuần 4-7<br>Tiết 10-20<br>28/9 → 24/10 | Tivi, máy tính cá nhân, bút màu các loại, giấy A3 hoặc A4<br>Phiếu phục vụ hoạt động học tập, thu thập thông tin …<br>Tài liệu liên quan đến nội dung bài học; SGK, SGV<br>Video, bài hát, thơ ca về lứa tổi trưởng thành | Lớp học | 4.2.NC1a: HS rà soát quyền riêng tư trên tài khoản mạng của mình, tự đặt lại mức hiển thị ngày sinh, số điện thoại, địa chỉ và ghi lại 3 mục đã khoá. | 12.B1: Vấn đề đạo đức của AI:<br>- HS hỏi AI mô tả điểm mạnh của mình từ vài từ khoá, đối chiếu với phiếu tự đánh giá và chỉ ra chỗ AI suy đoán sai vì thiếu dữ liệu cá nhân. |
| 3 | Chủ đề 3: Hoàn thiện bản thân | 15 | Tuần 7-12<br>Tiết 21-25, 27- | Tivi, máy tính cá nhân, bút màu các loại | Lớp học | 1.3.NC1b: HS lập bảng kế hoạch tài chính cá nhân trên phiếu theo | 12.B2: Mức độ rủi ro với AI:<br>- HS liệt kê 3 rủi ro khi nhờ AI quản lí |

uigeli.xyz

| STT | BÀI HỌC | SỐ TIẾT | THỜI ĐIỂM (TUẦN) | THIẾT BỊ DẠY HỌC | ĐỊA ĐIỂM DẠY HỌC | NĂNG LỰC SỐ PHÁT TRIỂN | YCCĐ THEO KHUNG 3439 (GIÁO DỤC AI) |
|---|---|---|---|---|---|---|---|
| | | | 36<br>19/10 → 28/11 | Sưu tầm thông tin, tư liệu, tấm gương liên quan đến bài học<br>Tài liệu liên quan đến nội dung bài học; SGK, SGV<br>Video, bài hát hoặc trò chơi phù hợp với nội dung chủ đề để tổ chức hoạt động khởi động<br>1 quả bóng nhỏ hoặc 1 nắm giấy vo tròn<br>Video về thực trạng văn hóa ứng xử nơi công cộng theo thông tư số 39/2021 TT/BGD ĐT | | các cột thu - chi - tiết kiệm - hạn chót, sắp xếp theo tuần và tự đánh dấu mức hoàn thành mỗi tuần để theo dõi cam kết. | chi tiêu (lộ dữ liệu, số liệu sai, phụ thuộc), kiểm chứng bằng nội quy nhà trường và nêu cách dùng an toàn. |
| 4 | Kiểm tra đánh giá giữa kỳ I | 01 | Tuần 9<br>Tiết 26<br>2/11 → 7/11 | Đề kiểm tra in sẵn; giấy kiểm tra<br>Tivi, máy tính cá nhân (chiếu đề, hướng dẫn) | Lớp học | | |
| 5 | Chủ đề 4: Trách nhiệm với gia đình | 09 | Tuần 13-15<br>Tiết 37-45<br>30/11 → 19/12 | Tivi, máy tính cá nhân, bút màu các loại, giấy A0, hoặc A3<br>Video về một số nhân vật thành công trong cuộc sống, nhờ có tính kiên trì, sự chăm chỉ<br>Tài liệu liên quan đến nội dung bài học; SGK, SGV | Lớp học | 5.2.NC1b: HS dùng bảng tính trên máy để nhập chi phí sinh hoạt gia đình một tháng, tính tỉ lệ từng khoản và đề xuất mức điều chỉnh phù hợp với thu nhập thực tế. | 12.C2: Các yêu cầu dành cho công cụ AI hỗ trợ các hoạt động học tập và xã hội:<br>- HS đặt yêu cầu cho công cụ AI gợi ý cách tiết kiệm cho gia đình, đối chiếu với số liệu chi tiêu thật đã thống kê và giữ lại các gợi ý phù hợp hoàn cảnh. |
| 6 | Chủ đề 5. Xây dựng cộng đồng | 09 | Tuần 16-19<br>Tiết 46, 48-55<br>21/12 → 16/1 | Tivi, máy tính cá nhân, bút màu các loại<br>Tình huống, câu chuyện gắn với bài học<br>Tài liệu liên quan đến nội dung bài học; SGK, SGV<br>Giai điệu một số bài hát liên quan đến chủ đề | Lớp học | 2.4.NC1a: HS chọn và phân công công cụ số cho dự án tình nguyện của nhóm: bảng kế hoạch dùng chung, biểu mẫu ghi nhận đóng góp, và giải trình vì sao chọn công cụ đó. | 12.A2: Nguyên tắc đạo đức khi thiết kế AI:<br>- HS soạn bộ nguyên tắc cá nhân khi dùng AI làm sản phẩm truyền thông cộng đồng, đối chiếu với sản phẩm nhóm để loại bỏ hình ảnh, số liệu AI tạo mà chưa xác minh. |
| 7 | Kiểm tra đánh giá cuối kỳ I | 01 | Tuần 16<br>Tiết 47<br>21/12 → 26/12 | Đề kiểm tra in sẵn; giấy kiểm tra<br>Tivi, máy tính cá nhân (chiếu | Lớp học | | |

uigeli.xyz

| STT | BÀI HỌC | SỐ TIẾT | THỜI ĐIỂM (TUẦN) | THIẾT BỊ DẠY HỌC | ĐỊA ĐIỂM DẠY HỌC | NĂNG LỰC SỐ PHÁT TRIỂN | YCCĐ THEO KHUNG 3439 (GIÁO DỤC AI) |
|---|---|---|---|---|---|---|---|
| | | | | đề, hướng dẫn) | | | |
| 8 | Chủ đề 6: Chung tay gìn giữ, bảo tồn cảnh quan thiên nhiên. | 06 | Tuần 19-21<br>Tiết 56-61<br>11/1 → 30/1 | Tivi, máy tính cá nhân, bút màu các loại<br>Thơ, tục ngữ về sự nhân văn, tương thân tương ái của con người<br>Tài liệu liên quan đến nội dung bài học; SGK, SGV<br>Giai điệu một số bài hát ca ngợi cảnh quan thiên nhiên Việt Nam: Huế thương, Tàu anh qua núi,… | Lớp học | 3.1.NC1b: HS thiết kế áp phích tuyên truyền bảo tồn danh lam thắng cảnh địa phương trên giấy A3, ghi rõ thông điệp và nguồn của từng hình; giáo viên số hoá, chiếu lên tivi và sửa trực tiếp theo phiếu yêu cầu chỉnh sửa của nhóm để lớp so bản trước và sau, sau đó nhóm tự đánh giá bản đã sửa đạt yêu cầu chưa. | 12.A1: Quyền kiểm soát của con người trong dự án AI:<br>- HS dùng AI gợi ý kịch bản tuyên truyền bảo tồn cảnh quan, tự quyết định giữ hay bỏ từng ý và đối chiếu tên di tích AI nêu với tư liệu địa phương trước khi dùng. |
| 9 | Chủ đề 7: Bảo vệ thế giới tự nhiên | 09 | Tuần 21-24<br>Tiết 62-70<br>25/1 → 6/3 | Tivi, máy tính cá nhân, bút màu các loại<br>Tranh ảnh, video liên quan đến nội dung bài học<br>Tài liệu liên quan đến nội dung bài học; SGK, SGV<br>Video, bài hát phù hợp với chủ đề | Lớp học | 1.3.NC1a: HS ghi kết quả khảo sát cây xanh, vật nuôi ở địa phương vào phiếu theo mẫu, phân loại theo nhóm loài; giáo viên tổng hợp số liệu các nhóm trên máy tính và chiếu biểu đồ để cả lớp cùng nhận xét. | 12.B2: Mức độ rủi ro với AI:<br>- HS nêu 2 rủi ro khi tin ứng dụng AI nhận dạng loài (nhận nhầm loài, số liệu cũ), kiểm chứng lại tên loài bằng tài liệu địa phương trước khi đưa vào báo cáo. |
| 10 | Chủ đề 8: Nghề nghiệp và những yêu cầu với người lao động trong xã hội hiện đại | 12 | Tuần 24-28<br>Tiết 71-73, 75-83<br>1/3 → 3/4 | Tivi, máy tính cá nhân, bút màu các loại, giấy A0, bút dạ<br>Video liên quan đến vấn đề môi trường<br>Tài liệu liên quan đến nội dung bài học; SGK, SGV<br>Video về các nhóm ngành, nghề cơ bản hiện nay | Lớp học | 6.3.NC1a: HS hỏi AI về nhu cầu thị trường lao động của 3 nhóm nghề, đối chiếu với số liệu trên cổng thông tin việc làm và chấm độ tin cậy từng câu trả lời. | 12.A3: Trách nhiệm công dân trong xã hội có AI:<br>- HS chỉ ra những nghề AI đang thay thế và những nghề AI không thay được, kiểm chứng bằng tin tuyển dụng thật và nêu trách nhiệm của mình khi chọn nghề. |
| 11 | Đánh giá giữa kỳ II | 01 | Tuần 25<br>Tiết 74<br>8/3 → 13/3 | Đề kiểm tra in sẵn; giấy kiểm tra<br>Tivi, máy tính cá nhân (chiếu đề, hướng dẫn) | Lớp học | | |
| 12 | Chủ đề 9: Rèn luyện phẩm chất, năng lực phù hợp với định hướng nghề nghiệp | 09 | Tuần 28-31<br>Tiết 84-92<br>29/3 → 24/4 | Tivi, máy tính cá nhân, bút màu các loại<br>Video về một số ngành | Lớp học | 2.6.NC1b: HS rà lại dấu vết số của mình qua tìm kiếm chính tên mình, gỡ hoặc khoá nội dung bất lợi và | 12.B1: Vấn đề đạo đức của AI:<br>- HS nhờ AI viết bản mô tả năng lực của mình, đối chiếu với bảng thành tích thật |

| STT | BÀI HỌC | SỐ TIẾT | THỜI ĐIỂM (TUẦN) | THIẾT BỊ DẠY HỌC | ĐỊA ĐIỂM DẠY HỌC | NĂNG LỰC SỐ PHÁT TRIỂN | YCCĐ THEO KHUNG 3439 (GIÁO DỤC AI) |
|---|---|---|---|---|---|---|---|
| | | | | Tài liệu liên quan đến nội dung bài học; SGK, SGV | | dựng một trang giới thiệu năng lực dùng được khi nộp hồ sơ. | và chỉ ra chỗ AI khen quá vì chỉ suy từ vài từ khoá, rồi sửa cho trung thực. |
| 13 | Chủ đề 10: Quyết định lựa chọn nghề phù hợp và chuẩn bị tâm lí thích ứng với môi trường mới | 12 | Tuần 31-35<br>Tiết 93-96, 98-105<br>19/4 → 22/5 | Tivi, máy tính cá nhân, bút màu các loại<br>Sản phẩm của quê hương liên quan đến nội dung bài học<br>Tài liệu liên quan đến nội dung bài học; SGK, SGV<br>Video, bài hát cho phần khởi động và phù hợp với nội dung chủ đề | Lớp học | 2.3.NC1b: HS thực hiện thử quy trình đăng kí nguyện vọng trực tuyến trên cổng tuyển sinh chính thức, đối chiếu từng mục khai với đề án của trường rồi tự chịu trách nhiệm xác nhận. | 12.B3: Trách nhiệm trong hệ sinh thái AI:<br>- HS dùng AI gợi ý ngành phù hợp rồi kiểm chứng từng thông tin với đề án tuyển sinh chính thức, nêu trách nhiệm của mình khi chia sẻ lại tư vấn đó cho bạn. |
| 14 | Đánh giá cuối kỳ II | 01 | Tuần 33<br>Tiết 97<br>3/5 → 8/5 | Đề kiểm tra in sẵn; giấy kiểm tra<br>Tivi, máy tính cá nhân (chiếu đề, hướng dẫn) | Lớp học | | |

## * CHÚ GIẢI CÁC MÃ NĂNG LỰC SỐ VÀ GIÁO DỤC AI ĐÃ TÍCH HỢP

### 1) Mã năng lực số (theo Khung năng lực số – Thông tư 02/2025; mức THPT: NC1):

| Mã | Miền / Nội dung (khung) | Cách áp dụng cho GV – HS (ngôn ngữ đời thường) |
|---|---|---|
| 1.3.NC1a | 1.3. Quản lý dữ liệu, thông tin và nội dung số — Tổ chức, lưu trữ và truy xuất được dữ liệu, thông tin và nội dung trong môi trường số. Tổ chức và sắp xếp được chúng trong một môi trường có cấu trúc. | HS nhập, phân loại và vẽ biểu đồ từ số liệu thu được để trình bày cho người khác hiểu. |
| 1.3.NC1b | 1.3. Quản lý dữ liệu, thông tin và nội dung số — Tổ chức, lưu trữ và truy xuất được dữ liệu, thông tin và nội dung trong môi trường số. Tổ chức và sắp xếp được chúng trong một môi trường có cấu trúc. | HS sắp xếp thông tin của mình thành bảng, thư mục có cấu trúc để tra lại được về sau. |
| 2.3.NC1b | 2.3. Sử dụng công nghệ số để thực hiện trách nhiệm công dân — Tham gia vào xã hội thông qua việc sử dụng các dịch vụ số công cộng và tư nhân. Tìm kiếm được cơ hội, để trao quyền và thu | HS tự làm được thủ tục trực tuyến với cơ quan, nhà trường như một công dân trưởng thành. |

| Mã | Miền / Nội dung (khung) | Cách áp dụng cho GV – HS (ngôn ngữ đời thường) |
|---|---|---|
| | hút công dân thông qua các công nghệ số phù hợp. | |
| 2.4.NC1a | 2.4. Hợp tác thông qua công nghệ số — Sử dụng được các công cụ và công nghệ số cho các quá trình hợp tác cũng như để cùng xây dựng và đồng sáng tạo dữ liệu, tài nguyên và kiến thức. | HS chọn được công cụ số phù hợp để cả nhóm cùng làm việc trên một sản phẩm chung. |
| 2.5.NC1c | 2.5. Quy tắc ứng xử trên mạng — Nhận thức được các chuẩn mực hành vi và kiến thức khi sử dụng công nghệ số và tương tác trong môi trường số. Điều chỉnh các chiến lược giao tiếp phù hợp với đối tượng cụ thể và nhận thức đa dạng về văn hóa và thế hệ trong môi trường số. | HS biết đổi cách xưng hô, lời lẽ cho đúng đối tượng: thầy cô, người tuyển dụng, bạn bè. |
| 2.6.NC1b | 2.6. Quản lý danh tính số — Tạo và quản lý được một hoặc nhiều danh tính số để bảo vệ danh tiếng của bản thân, làm việc với dữ liệu mà một người tạo ra bằng nhiều công cụ, môi trường và dịch vụ số. | HS giữ cho hình ảnh của mình trên mạng sạch và dùng được khi nộp hồ sơ, xin việc. |
| 3.1.NC1b | 3.1 Phát triển nội dung số — Tạo và chỉnh sửa được nội dung số ở các định dạng khác nhau, nhằm thể hiện bản thân thông qua các phương tiện số. | HS dùng sản phẩm số do mình làm để nói lên suy nghĩ, thông điệp của chính mình. |
| 4.2.NC1a | 4.2 Bảo vệ dữ liệu cá nhân và quyền riêng tư — Bảo vệ được dữ liệu cá nhân và quyền riêng tư trong môi trường số. Hiểu được cách sử dụng và chia sẻ thông tin định danh cá nhân một cách an toàn, có khả năng bảo vệ bản thân và người khác. Hiểu được cách các dịch vụ số sử dụng "Chính sách Quyền riêng tư" để thông báo phương thức sử dụng dữ liệu cá nhân. | HS tự đặt lại quyền riêng tư, không để lộ thông tin cá nhân khi lên mạng. |
| 5.2.NC1b | 5.2 Xác định nhu cầu và giải pháp công nghệ — Đánh giá được nhu cầu và xác định, đánh giá, lựa chọn, sử dụng các công cụ số cùng với các giải pháp công nghệ khả thi để giải quyết chúng. Điều | HS chọn và dùng đúng công cụ số (bảng tính, biểu mẫu) để giải quyết một việc cụ thể. |

| Mã | Miền / Nội dung (khung) | Cách áp dụng cho GV – HS (ngôn ngữ đời thường) |
|---|---|---|
| | chỉnh và tùy chỉnh được môi trường số theo nhu cầu cá nhân (ví dụ: khả năng tiếp cận). | |
| 6.3.NC1a | 6.3 Đánh giá trí tuệ nhân tạo — Đánh giá và lọc được thông tin từ các nguồn được tạo ra hoặc xử lý bằng AI, để hiểu rõ hơn về tính đáng tin cậy và cách sử dụng thông tin đó. Đánh giá được AI trên các khía cạnh minh bạch, an toàn, đạo đức và tác động. | HS không tin ngay kết quả AI đưa ra mà đối chiếu với nguồn chính thức. |

**2) Mã giáo dục AI (theo Khung năng lực AI – QĐ 3439/QĐ-BGDĐT; nội dung Lớp 12):**

| Mã | Miền / Nội dung (khung) | Cách áp dụng cho GV – HS (ngôn ngữ đời thường) |
|---|---|---|
| 12.A1 | A1. Tính chủ động của con người — Quyền kiểm soát của con người trong dự án AI / Con người trong hệ thống AI | Người vẫn là người quyết định cuối cùng; AI chỉ gợi ý, không thay HS chọn. |
| 12.A2 | A2. AI vì sự tiến bộ của con người — Nguyên tắc đạo đức khi thiết kế AI | Tự đặt ra nguyên tắc cho mình khi làm sản phẩm có dùng AI: an toàn, trung thực, nhân văn. |
| 12.A3 | A3. Công dân trong kỉ nguyên AI — Trách nhiệm công dân trong xã hội có AI | Dùng AI trung thực, không lan truyền thông tin sai; tôn trọng dữ liệu của bạn bè. |
| 12.B1 | B1. Các khía cạnh đạo đức của AI — Vấn đề đạo đức của AI | Biết vì sao AI trả lời lệch, thiên vị khi thiếu dữ liệu về chính mình. |
| 12.B2 | B2. Sử dụng AI an toàn và có trách nhiệm — Mức độ rủi ro với AI | Ước lượng được rủi ro khi giao việc cho AI, tránh vi phạm nội quy và pháp luật. |
| 12.B3 | B3. Nguyên tắc đạo đức và trách nhiệm xã hội — Trách nhiệm trong hệ sinh thái AI | Biết quyền và trách nhiệm của người dùng AI khi chia sẻ lại thông tin cho người khác. |
| 12.C2 | C2. Ứng dụng AI trong học tập và cuộc sống — Các yêu cầu dành cho công cụ AI hỗ trợ các hoạt động học tập và xã hội | Biết đặt yêu cầu cho công cụ AI đúng việc mình cần trong học tập và đời sống. |

*Ghi chú: Mỗi bài học gắn 1 mã năng lực số + 1 mã giáo dục AI ở mức dễ thực hiện. Các tiết Ôn tập, Kiểm tra để trống theo đúng cách trình bày trong bảng mẫu của Bộ.*

*Mã AI đều thuộc khung nội dung Lớp 12 của QĐ 3439/QĐ-BGDĐT.*

**2. Chuyên đề lựa chọn (đối với cấp trung học phổ thông): Không**

uigeli.xyz

**3. Kiểm tra, đánh giá định kì.**

| Bài kiểm tra, đánh giá | Thời gian | Thời điểm | Yêu cầu cần đạt | Hình thức |
|---|---|---|---|---|
| Giữa Học kỳ 1 | Tuần 9 | Giữa kỳ I | - Đạt được mục tiêu của chủ đề 1, 2 - Đánh giá kiến thức, năng lực phẩm chất đã học của HS | Viết trên giấy |
| Cuối Học kỳ 1 | Tuần 16 | Cuối kỳ I | - Đạt được mục tiêu của chủ đề 3, 4, 5 - Đánh giá kiến thức, năng lực phẩm chất đã học của HS | Viết trên giấy |
| Giữa Học kỳ 2 | Tuần 25 | Giữa kỳ II | - Đạt được mục tiêu của chủ đề 6, 7,8 - Đánh giá kiến thức, năng lực phẩm chất đã học của HS | Viết trên giấy |
| Cuối Học kỳ 2 | Tuần 32 | Cuối kỳ II | - Đạt được mục tiêu của chủ đề 9,10,11 - Đánh giá kiến thức, năng lực phẩm chất đã học của HS | Viết trên giấy |

**PHÊ DUYỆT CỦA HIỆU TRƯỞNG**

**……, ngày …… tháng …… năm 2026**
**GIÁO VIÊN LẬP KẾ HOẠCH**